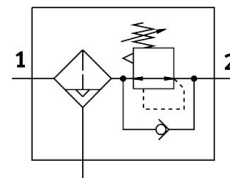


Số bộ phận: 8195718



Đặc tính	Giá trị
Kích thước	44
Dòng	P
bảo vệ hành động	Vít điều chỉnh cố hãm
Vị trí lắp đặt	dọc +/- 5°
Độ mịn bộ lọc	5 µm
Cổng xả nước ngưng tụ	hoàn toàn tự động
Cấu trúc xây dựng	Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế
Tuân theo tiêu chuẩn	NACE MR0175/ISO 15156 (Vỏ máy và vỏ)
Lượng nước ngưng tụ tối đa	12 Ml
chức năng điều khiển	có bù áp sơ cấp với hệ thống xả thứ cấp
Bộ hiển thị áp suất	G1/4 được chuẩn bị
Áp suất vận hành	0.2 MPA...1.2 MPA 2 bar...12 bar
Phạm vi điều chỉnh áp suất	0.5 bar...12 bar
Độ trễ áp suất tối đa	0.02 MPA 0.2 bar 2.9 psi
Lưu lượng bình thường tối đa	2400 l/ph
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1600 l/ph
Chống cháy nổ	Lưu ý thông tin trong chứng nhận Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:4:-] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ bảo quản	-10 °C...60 °C
Cấp độ sạch không khí tại đầu ra	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:4:4]
Nhiệt độ trung bình	0 °C...60 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	810 g

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Đồng hồ đo áp suất kết nối	G1/4
Cổng nối khí nén 1	1/4 NPT
Cổng nối khí nén 2	1/4 NPT
Cổng nối khí nén 3	1/8 NPT
Vật liệu giá đỡ bộ lọc	POM
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu góc gắn	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu cửa phốt	NBR
Vật liệu lò xo	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu bộ lọc	PE
Vật liệu vỏ	Khuôn đúc bằng thép không gỉ thép không gỉ hợp kim cao
Số vật liệu vỏ	1.4409/CF3M(316L) 1.4409/CF3M (316L)
Vít điều chỉnh vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao